TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 798/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2022
V/v Ly hôn giữa chị T và anh Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Phước
2. Bà Đoàn Thị Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Mộng T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: A/74 ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Đức Th, sinh năm: 1982

Địa chỉ: C/8 đường X, Phường W, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Mộng T trình bày: Chị Dương Mộng T và anh Lê Đức Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường W, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, Quyển số: 01/2013 ngày 07/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung với bố mẹ đẻ của anh Th tại địa chỉ C/8 đường X, Phường W, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất

phát từ mâu thuẫn về kinh tế; bên cạnh đó còn do tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã nhau. Năm 2015, chị T nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau những lần hòa giải tại tòa, chị T đã rút đơn xin ly hôn để vợ chồng có thời gian hàn gắn đoàn tụ, nhưng thời gian sau đó vợ chồng vẫn không cải thiện được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến năm 2018, vợ chồng sống ly thân và chị T chuyển ra ngoài sinh sống, kể từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Chị T nhận thấy thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn, vì vậy chị kiện yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Dương Mộng T và anh Lê Đức Th có 01 con chung Lê Ngọc B, sinh ngày 10/11/2013. Chị T đề nghị giao cháu Ngọc B cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng

Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Chị T khai không có.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2022, bị đơn anh Lê Đức Th trình bày: Vợ chồng tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường W, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng ở phòng trọ. Thời điểm phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng về tiền bạc. Anh Th xác nhận hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau, đã ly thân từ năm 2018, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên anh đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh Lê Đức Th và chị Dương Mộng T có 01 con chung Lê Ngọc B, sinh ngày 10/11/2013. Anh Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Th khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Mộng T là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Lê Đức Th; giao con chung Lê Ngọc B, sinh ngày 10/11/2013 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị Dương Mộng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đức Th và yêu cầu giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại C/8 đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Anh Lê Đức Th (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Đức Th.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh về tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Mộng T và anh Lê Đức Th chung sống với nhau từ năm 2013 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường W, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, Quyển số: 01/2013 ngày 07 tháng 11 năm 2013 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Mộng T và anh Lê Đức Th là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo chị T xuất phát từ mâu thuẫn về kinh tế; bên cạnh đó còn do tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã nhau. Năm 2015, chị T nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau đó chị đã rút đơn xin ly hôn để vợ chồng quay về đoàn tụ và Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 880/2015/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2015. Tuy nhiên, thời gian sau đó mâu thuẫn vợ chồng cũng không được cải thiện, mặc dù đã có thời gian để cả hai suy nghĩ hàn gắn nhưng cả hai vẫn không quay trở lại để sống chung với nhau mà vẫn tiếp tục sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Th đã xảy ra từ lâu như cả hai trình bày là đúng. Mặt khác, sự thừa nhận của anh Th về nguyên

nhân mâu thuẫn, đây được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường W, quận B về tình trạng nơi cư trú của anh Th như sau: *"Anh Lê Đức Th có đăng ký thường trú tại C/8 X, Phường W, quận B và thực tế cư trú tại địa chỉ trên"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng anh Th vẫn vắng mặt, cho thấy anh Th không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Như vậy, đã đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Th đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, việc duy trì hôn nhân giữa hai người chỉ còn trên danh nghĩa. Vì vậy, với yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu giao con chung Lê Ngọc B, sinh ngày: 10/11/2013 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó đã có lời khai đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu này của chị T đồng thời cũng phù hợp với ý chí nguyện vọng của anh Th. Ngoài ra, tại Bản tự khai ngày 19/4/2022, cháu Ngọc B trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, xét nguyện vọng trên của cháu là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được ghi nhận. Cháu Ngọc B mới hơn 08 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Về điều kiện kinh tế để nuôi con chung, thấy rằng hiện tại anh Th có chỗ ở ổn định tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện sinh hoạt tốt; trong khi đó chị T không có nhà riêng, vẫn ở chung với cha mẹ đẻ của chị tại huyện L, tỉnh B, thu nhập của chị T chỉ ở mức trung bình. Từ đó, cho thấy anh Th có điều kiện đầy đủ hơn về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị T. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của trẻ, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cũng như nguyện vọng của trẻ nên cần giao cháu Ngọc B cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng**, chăm sóc** là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bị đơn vắng mặt nên không rõ yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh Th đều xác định không có tài sản chung.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Chị T và anh Th đều khai không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Dương Mộng T.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Mộng T và anh Lê Đức Th.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Ngọc B, sinh ngày: 10/11/2013 cho anh Lê Đức Th trực tiếp nuôi dưỡng, **chăm sóc**.

Chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Chị Dương Mộng T và anh Lê Đức Th xác định không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Chị Dương Mộng T và anh Lê Đức Th khai không có nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, chị Dương Mộng T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0031140 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Lê Đức Th không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- UBND Phường W, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số: 01/2013 ngày 07/11/2013
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- UBND Phường 5, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số: 01/2013 ngày 07/11/2013
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính